TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/DS-ST.
Ngày 23 - 5 - 2019
V/v "Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Quốc Hưng.

Bà Tiêu Thị Phương Bắc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST- DS, ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: L, phường Th, quận B, thành phố H.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Anh Mã Hà Bửu Ng– Trưởng phòng kế hoạch Kinh Doanh của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng - Là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 15/3/2019 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1983. Cư trú tại: Ấp Tr, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do nhu cầu vay vốn để tiêu dùng phục vụ cho đời sống nên anh Nguyễn Văn H có ký hợp đồng tín dụng số: 7613LAV201501837 ngày 15/4/2015 với Ngân hàng N - Chi nhánh C. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 15/4/2015. Hạn mức tín dụng (cho vay) là: 50.000.000 đồng.

Sau khi hợp đồng Ngân Ngân hàng N - Chi nhánh C, tỉnh Sóc Trăng đã giải ngân cho anh H số tiền là 50.000.000 đồng theo giấy đề nghị kiêm vay vốn ngày 13/4/2015, hạn trả cuối cùng là ngày 15/4/2020, lãi suất 10%/năm – lãi suất quá hạn 150% so với lãi suất trong hạn. Sau khi vay anh H có trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh C, tỉnh Sóc Trăng số tiền gốc là 28.800.000.đồng, còn lại số tiền gốc là 21.200.000 đồng thì anh H không trả tiếp cho Ngân hàng N theo hợp đồng.

Tính đến ngày 23/5/2019, anh H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi cụ thể như sau: Tiền gốc là 21.200.000 đồng; Tiền lãi là 5.562.777 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 26.762.777 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn H phải hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền là 26.762.777 đồng (trong đó số tiền gốc là 21.200.000 đồng và tiền lãi là 5.562.777 đồng) và tiền lãi được tính tiếp từ ngày 24/5/2019 DL đến khi anh Nguyễn Văn H trả dứt nợ cho Ngân hàng N được tính trên khoản nợ gốc theo lãi suất quá hạn là 1,25%/tháng theo hợp đồng tín dụng ngày 15/4/2015 DL cho đến khi anh H trả tất nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, anh H không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 122, điều 389, điều 401, điều 402, điều 424, điều 425, điều 471, điều 474 và điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015), Điều 95 Luật

các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 26.762.777 đồng và tiền lãi được tính tiếp từ ngày 24/5/2019 DL đến khi anh Nguyễn Văn Hận trả dứt nợ cho Ngân hàng N được tính trên khoản nợ gốc theo lãi suất quá hạn là 1,25%/tháng theo hợp đồng tín dụng ngày 15/4/2015 DL cho đến khi anh H trả tất nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ngân hàng N thì vào ngày 15/4/2015 giữa Ngân hàng với anh Nguyễn Văn H có ký kết hợp đồng tín dụng số: 7613LAV201501837 ngày 15/4/2015, theo đó Ngân hàng cho anh H vay vốn số tiền là 50.000.000 đồng để tiêu dùng phục vụ cho đời sống gia đình. Do anh H vi phạm hợp đồng không trả tiền đúng hạn cho Ngân hàng N, nên Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu anh H phải hoàn trả tiền cho Ngân hàng N số tiền gốc và tiền lãi là 26.762.777 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày Tòa án xét xử xong vụ án đến khi anh H trả tất nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp dân sự là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do nhu cầu vay vốn để tiêu dùng phục vụ cho đời sống nên anh Nguyễn Văn H có ký hợp đồng tín dụng số: 7613LAV201501837 ngày 15/4/2015 với Ngân hàng N - Chi nhánh C. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 15/4/2015. Hạn mức tín dụng (cho vay) là: 50.000.000 đồng.

Sau khi hợp đồng Ngân hàng N - Chi nhánh C, tỉnh Sóc Trăng đã giải ngân cho anh H số tiền là 50.000.000 đồng theo giấy đề nghị kiêm vay vốn ngày 13/4/2015, hạn trả cuối cùng là ngày 15/4/2020, lãi suất 10%/năm – lãi suất quá hạn 150% so với lãi suất trong hạn. Sau khi vay anh H có trả cho Ngân hàng N-

Chi nhánh C, tỉnh Sóc Trăng số tiền gốc là 28.800.000.đồng, còn lại số tiền gốc là 21.200.000 đồng thì anh H không trả tiếp cho Ngân hàng N theo hợp đồng.

Tính đến ngày 23/5/2019, anh H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi cụ thể như sau: Tiền gốc là 21.200.000 đồng; Tiền lãi là 5.562.777 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 26.762.777 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn H phải hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền là 26.762.777 đồng (trong đó số tiền gốc là 21.200.000 đồng và tiền lãi là 5.562.777 đồng) và tiền lãi được tính tiếp từ ngày 24/5/2019 DL đến khi anh Nguyễn Văn H trả dứt nợ cho Ngân hàng N được tính trên khoản nợ gốc theo lãi suất quá hạn là 1,25%/tháng theo hợp đồng tín dụng ngày 15/4/2015 DL cho đến khi anh H trả tất nợ cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc anh H vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án các chứng cứ như: 01 (Một) Hợp đồng tín dụng số: 7613LAV201501837 ngày 15/4/2015 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng và anh Nguyễn Văn H; 01 (Một) Bảng theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ; 01 (Một) Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn phục vụ nhu cầu đời sống; 01 (Một) Phiếu xếp loại khách hàng vay vốn năm 2015; 01 (Một) Hợp đồng ủy quyền; 01 (Một) Biên bản hợp công đoàn; 01 (Một) Giấy nhận thay lương hưu, trợ cấp xã hội; 01 (Một) Danh sách đăng ký CB-CNVC đăng ký vay tiền Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C; 01 (Một) Bảng thanh toán tiền lương; 01 (Một) Bảng thanh toán phụ cấp Hội đồng nhân dân; 01 (Một) Bảng thanh toán phụ cấp phân loại xã, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp công vụ; 01 (Một) Bảng thanh toán chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 01 (Một) Sổ bảo hiểm xã hội và Phiếu đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc; 01 (Một) Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh Nguyễn Văn H và các giấy tờ khác có liên quan. Sau khi nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng N, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu của Ngân hàng N và Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh H nhưng anh H không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Xét thấy về hình thức và nội dụng, trình tự thủ tục các văn bản này là phù hợp theo quy định, nên có giá trị làm chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N cho rằng anh Nguyễn Văn H có vay số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 7613LAV201501837 ngày 15/4/2015 là phù hợp với thực tế khách quan và có căn cứ pháp luật.

Xét về nội dung: Hợp đồng tín dụng số: 7613LAV201501837 ngày 15/4/2015 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng và anh Nguyễn Văn H xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án

nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính, cho nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện.

Theo đại diện cho Ngân hàng trình bày, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân vào ngày 07/5/2015 anh H nhận số tiền là 50.000.000 đồng là đủ số vốn vay theo Hợp đồng. Anh H cùng phải thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng hàng tháng và trả tất vốn vay khi hết hạn hợp đồng. Sau khi vay anh H đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc 28.800.000 đồng và tiền lãi, nhưng sau đó thì anh H không tiếp tục thực hiện việc trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng. Xét thấy, anh H thực hiện không đúng theo giao kết, đã vi phạm Điều 8 của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, anh H là người có lỗi và là người vi phạm Hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh H trả nợ là đúng theo quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu anh H phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và tiền lãi là 26.762.777 đồng (Trong đó: Tiền gốc là 21.200.000 đồng và tiền lãi là 5.562.777 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả tất số nợ gốc. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, người đại diện của Ngân hàng yêu cầu anh H phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và tiền lãi là 26.762.777 đồng (Trong đó: Tiền gốc là 21.200.000 đồng và tiền lãi là 5.562.777 đồng) và tiền lãi được tính tiếp từ ngày 24/5/2019 DL đến khi anh Nguyễn Văn H trả dứt nợ cho Ngân hàng N được tính trên khoản nợ gốc theo lãi suất quá hạn là 150%/năm theo hợp đồng tín dụng ngày 15/4/2015 DL cho đến khi anh H trả tất nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các điều 122, điều 389, điều 401, điều 402, điều 424, điều 425, điều 471, điều 474 và điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015), Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Vì vậy, cần xử buộc anh Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 23/5/2019 DL là 26.762.777 đồng (Trong đó: Tiền gốc là 21.200.000 đồng và tiền lãi là 5.562.777 đồng) và tiền lãi được tính tiếp từ ngày 24/5/2019 DL đến khi anh Nguyễn Văn H trả dứt nợ cho

Ngân hàng N được tính trên khoản nợ gốc theo lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng ngày 15/4/2015 DL cho đến khi anh H trả tất nợ cho Ngân hàng N.

Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Nguyễn Văn H phải nộp số tiền là 1.338.138 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.060.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006044 ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 122, điều 389, điều 401, điều 402, điều 424, điều 425, điều 471, điều 474 và điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015), Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc anh Nguyễn Văn H phải hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 23/5/2019 DL là 26.762.777 đồng *(Hai mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng)* và tiền lãi được tính tiếp từ ngày 24/5/2019 DL cho đến khi anh Nguyễn Văn H trả dứt nợ cho Ngân hàng N được tính trên khoản nợ gốc theo lãi suất quá hạn là 1,25%/tháng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong

khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 1.338.138 đồng *(Một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn một trăm ba mươi tám đồng)* án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.060.000 đồng *(Một triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006044 ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ngân hàng N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Nguyễn Văn H không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên